

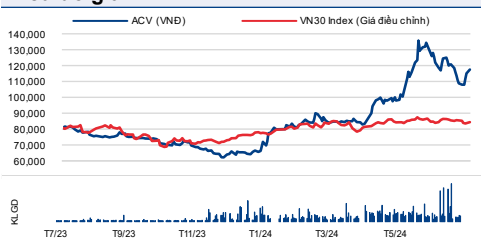
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ138,000
 Tiềm năng tăng/giảm: 17.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/7/2024)	117,500
Mã Bloomberg	ACV VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	61,500-135,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	114,800
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	255,818
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	10,117
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,177
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,067
Slg CP NN được mua (tr.đv)	988
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	3.64%
Tỷ lệ freefloat	4.60%
Cổ đông lớn	Siêu Ủy Ban (95.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	20,033	23,258	25,805
EBITDA đc (tỷ đồng)	10,592	14,961	17,404
LNTT (tỷ đồng)	10,620	14,056	15,788
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,578	8,877	10,027
FCF (tỷ đồng)	(5,925)	(28,406)	(23,623)
EPS ĐC (đồng)	3,022	4,078	4,606
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	23,177	27,255	31,861
T.trưởng EBITDA (%)	51.7	41.3	16.3
T.trưởng EPS ĐC (%)	15.5	35.0	13.0
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	52.9	64.3	67.4
Tỷ suất LNTT (%)	53.0	60.4	61.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	36.5	42.5	43.2
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	15.1	41.9	63.6
ROAE (%)	15.5	18.0	17.3
ROACE (%)	14.3	17.4	14.8
EV/doanh thu (lần)	11.9	11.5	11.3
EV/EBITDA ĐC (lần)	22.4	17.9	16.8
P/E ĐC (lần)	38.9	28.8	25.5
P/B (lần)	5.07	4.31	3.69
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Cảng Hàng Không Việt Nam quản lý và điều hành 22 sân bay trên cả nước. Trong đó, có 7 sân bay Quốc tế. Hiện tại, Công ty đang triển khai xây dựng hai dự án lớn là SBQT Long Thành và nhà ga 3 của sân bay SBQT Tân Sơn Nhất.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp
 trang.ctmai@hsc.com.vn
 +84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
 han.vtn@hsc.com.vn
 +84 28 3823 3299 Ext. 314

Q2/2024: Lợi nhuận đạt kỷ lục

- Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông của ACV trong Q2/2024 (không bao gồm tài sản khu vực) đạt mức cao kỷ lục theo quý là 2,9 nghìn tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ và tăng 12% so với quý trước.
- Loại trừ các khoản mục không thường xuyên, lợi nhuận tăng 14% so với cùng kỳ đạt 2,5 nghìn tỷ đồng, sát với dự báo của HSC. KQKD này bao gồm (1) 5 tỷ đồng hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu quá hạn (HSC dự báo hoàn nhập 175 tỷ đồng) và (2) lãi tỷ giá cao hơn, đạt 444 tỷ đồng (cao hơn so với dự báo của chúng tôi ở mức 320 tỷ đồng).
- HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với ACV. Do các khoản mục không thường xuyên tăng lên, chúng tôi cũng sẽ xem xét lại các dự báo của mình.

Sự kiện: Công bố BCTC Q2/2024

Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và doanh thu thuần của ACV trong Q2/2024 đạt lần lượt 2,9 nghìn tỷ đồng (tăng 26% so với cùng kỳ và 12% so với quý trước) và 5,5 nghìn tỷ đồng (tăng 12% so với cùng kỳ nhưng giảm 2% so với quý trước). Đây là KQKD quý cao kỷ lục của ACV và cao hơn dự báo của HSC ở mức 2,5 nghìn tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ). Kết quả này được hỗ trợ bởi các khoản mục không thường xuyên (như đã nêu ở trên); nếu loại trừ các khoản lợi nhuận thuần không thường xuyên này, lợi nhuận HĐKD cốt lõi thuộc về cổ đông của ACV trong Q2/2024 đạt 2,5 nghìn tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ, giảm 2% so với quý trước và sát với dự báo của chúng tôi.

Tính chung nửa đầu năm 2024, lợi nhuận thuần đạt 5,5 nghìn tỷ đồng (tăng 53% so với cùng kỳ và bằng 62% dự báo cho cả năm 2024 của HSC) và doanh thu thuần đạt 11,2 nghìn tỷ đồng (tăng 16% so với cùng kỳ). Nếu không tính đến các khoản mục không thường xuyên – lãi tỷ giá tổng cộng 549 tỷ đồng (so với lỗ tỷ giá 302 tỷ đồng trong nửa đầu năm 2023) và dự phòng các khoản phải thu quá hạn 170 tỷ đồng (giảm 73% so với cùng kỳ) – lợi nhuận sẽ đạt 5,1 nghìn tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ (và bằng 50% dự báo cho cả năm 2024 của HSC) nhờ nhu cầu đi lại quốc tế tăng đáng kể và tỷ suất lợi nhuận cải thiện khi cơ cấu doanh thu hiệu quả hơn.

Doanh thu thuần khả quan nhờ nhu cầu quốc tế tăng lên

Doanh thu thuần Q2/2024 tăng 12% so với cùng kỳ nhờ lưu lượng khách quốc tế tăng cao dù nhu cầu đi lại trong nước thấp. Cụ thể như sau:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 30/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2024, ACV

Lợi nhuận thuần Q2/2024 tăng 26% so với cùng kỳ trong khi lợi nhuận cốt lõi tăng 14% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	Q2/23	Q2/24	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	6T2023	6T2024	% sv cùng kỳ
Doanh thu thuần	4,929	5,535	12%	-2%	9,658	11,178	16%
Doanh thu của ACV	1,971	2,075	5%	2%	3,760	4,119	10%
Doanh thu khu vực	2,959	3,460	17%	-4%	5,897	7,059	20%
Lợi nhuận thuần	2,609	3,225	24%	11%	4,243	6,142	45%
Lợi nhuận thuần của ACV	2,296	2,898	26%	12%	3,598	5,492	53%
Lợi nhuận thuần của khu vực	313	327	5%	1%	645	651	1%
Lợi nhuận 'cốt lõi'	2,510	2,840	13%	-4%	4,966	5,799	4%
Lợi nhuận 'cốt lõi' của ACV	2,197	2,513	14%	-5%	4,322	5,148	19%
Lợi nhuận 'cốt lõi' của khu vực	313	327	5%	1%	645	651	1%

Nguồn: ACV

- Số lượng hành khách quốc tế trong Q2/2024 tiếp tục tăng 31% so với cùng kỳ đạt 9,2 triệu lượt nhưng giảm 6% so với quý trước do nhu cầu vào mùa thấp điểm. Lưu lượng khách quốc tế đã phục hồi hoàn toàn, bằng với mức của Q2/2019.
- Số lượng hành khách trong nước trong Q2/2024 giảm 21% so với cùng kỳ và giảm 2% so với quý trước xuống 17,2 triệu lượt, đánh dấu quý giảm thứ 5 liên tiếp trong bối cảnh kinh tế âm ảm. Đáng chú ý, số lượng hành khách trong nước chỉ bằng 87% mức trước dịch. Trong khi đó, vào năm 2023, kết quả này vẫn cao hơn 8% so với mức của năm 2019.

Theo đó, tổng số hành khách trong Q2/2024 giảm 7% so với cùng kỳ và giảm 3% so với quý trước xuống 27 triệu lượt. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, tổng số hành khách đạt 55 triệu lượt (giảm 3% so với cùng kỳ), gồm 20,3 triệu lượt khách quốc tế (tăng 39% so với cùng kỳ) và 34,7 triệu lượt khách trong nước (giảm 18% so với cùng kỳ), bằng lần lượt 46% và 49% dự báo cả năm 2024 của HSC.

Tỷ suất lợi nhuận tăng lên nhờ cơ cấu doanh thu hiệu quả hơn

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/2024 của ACV tăng mạnh lên mức 62,5% so với 60,0% của cùng kỳ nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ của nhu cầu quốc tế bất chấp nhu cầu trong nước ở mức thấp. Tỷ suất lợi nhuận gộp nửa đầu năm 2024 cũng cải thiện lên mức 63,2% so với 61,1% của nửa đầu năm 2023.

Điều này chủ yếu là do phí dịch vụ đối với hành khách quốc tế (thường ở mức 14-25 USD/khách (đã bao gồm thuế GTGT)) cao hơn nhiều so với hành khách trong nước (chỉ là 89.909đ/khách (3,6 USD/khách)). Trong Q2/2024, số lượng hành khách quốc tế chiếm 36% tổng số hành khách, so với 26% của Q2/2023.

Hoàn nhập sau 3 năm trích lập dự phòng các khoản phải thu quá hạn

ACV ghi nhận khoản hoàn nhập dự phòng 5 tỷ đồng đối với các khoản phải thu quá hạn trong Q2/2024 so với trích lập dự phòng 367 tỷ đồng trong Q2/2023. Đây là quý đầu tiên ACV ghi nhận khoản hoàn nhập sau 12 quý liên tiếp trích lập dự phòng các khoản phải thu quá hạn của các hãng hàng không kể từ Q2/2021.

Điều này chủ yếu là nhờ khoản hoàn nhập chi phí dự phòng từ Vietjet Air (VJC; Năm giữ, giá mục tiêu 112.000đ) và Pacific Airlines (công ty tư nhân) lần lượt là 210 tỷ đồng và 21 tỷ đồng trong Q2/2024. Đối với Vietnam Airlines (HVN; Bán ra, giá mục tiêu 23.600đ), Bamboo Airways (công ty tư nhân) và Viettravel Airlines (công ty tư nhân), ACV vẫn trích lập dự phòng tổng cộng 205 tỷ đồng trong kỳ.

Tính chung nửa đầu năm 2024, ACV đã trích lập 170 tỷ đồng dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn, giảm 73% so với cùng kỳ nhờ điều kiện tài chính tốt hơn của các hãng hàng không.

Lãi tỷ giá hỗ trợ lợi nhuận thuần

Lãi tỷ giá trong Q2/2024 đạt 444 tỷ đồng (tăng 5% so với cùng kỳ và 323% so với quý trước). Tính chung nửa đầu năm 2024, lãi tỷ giá đạt 549 tỷ đồng, chuyển biến từ lỗ tỷ giá 302 tỷ đồng nhờ VND tăng giá mạnh so với JPY.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC đang xem xét lại khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 138.000đ (tiềm năng tăng giá 17,4%) sau khi giá cổ phiếu tăng mạnh gần đây.

Do lợi nhuận thuần Q2/2024 tốt hơn dự kiến (nhờ các khoản mục không thường xuyên), chúng tôi cũng đang xem xét lại dự báo của mình. HSC hiện dự báo doanh thu thuần năm 2024 đạt 23,3 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 16%), lợi nhuận thuần đạt 9,9 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 36%) và lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi đạt 10,3 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 19%).

Bảng 2: Số lượng hành khách hàng không, ACV

Nhu cầu quốc tế trong Q2/2024 tăng 31% so với cùng kỳ nhưng nhu cầu nội địa giảm 21% so với cùng kỳ

Triệu lượt	Q2/23	Q2/24	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	6T2023	6T2024	% sv cùng kỳ
Quốc tế	7.5	9.8	31%	-6%	14.6	20.3	39%
Nội địa	21.7	17.2	-21%	-2%	42.2	34.7	-18%
Tổng	29.2	27.0	-7%	-3%	56.8	55.0	-3%

Nguồn: ACV

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	13,805	20,033	23,258	25,805	28,968
Lợi nhuận gộp	6,517	11,923	14,603	16,405	18,451
Chi phí BH&QL	(1,871)	(3,695)	(1,987)	(1,650)	(1,853)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	4,645	8,228	12,615	14,755	16,598
Lãi vay thuần	4,037	2,091	1,006	542	267
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	179	275	405	457	538
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	112	26.0	30.2	33.5	37.6
LN TT	8,973	10,620	14,056	15,788	17,441
Chi phí thuế TNDN	(1,736)	(2,048)	(2,811)	(3,158)	(3,488)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(900)	(1,253)	(1,369)	(1,474)	(1,714)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,338	7,319	9,877	11,156	12,239
Lợi nhuận thuần ĐC	5,696	6,578	8,877	10,027	11,000
EBITDA ĐC	6,984	10,592	14,961	17,404	19,533
EPS (đồng)	2,911	3,362	4,537	5,125	5,622
EPS ĐC (đồng)	2,616	3,022	4,078	4,606	5,053
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Sig CP bình quân (triệu đv)	2,177	2,177	2,177	2,177	2,177
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	2,177	2,177	2,177	2,177	2,177
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,177	2,177	2,177	2,177	2,177

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	2,497	2,844	569	1,092	210
Đầu tư ngắn hạn	30,498	25,896	13,490	7,225	2,317
Phải thu khách hàng	6,410	12,772	14,758	15,569	16,576
Hàng tồn kho	449	467	499	542	606
Các tài sản ngắn hạn khác	367	770	894	991	1,113
Tổng tài sản ngắn hạn	40,221	42,748	30,209	25,419	20,822
TSCĐ hữu hình	16,427	20,989	57,773	92,906	125,880
TSCĐ vô hình	0.75	3.30	0.83	1.73	2.70
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	173	171	171	171	171
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,642	2,689	2,693	2,693	2,693
Tài sản dài hạn khác	574	529	534	534	534
Tổng tài sản dài hạn	19,817	24,381	61,172	96,306	129,281
Tổng cộng tài sản	60,037	67,129	91,381	121,725	150,103
Nợ ngắn hạn	366	410	410	410	410
Phải trả người bán	909	1,187	1,267	1,376	1,540
Nợ ngắn hạn khác	2,413	3,186	3,387	3,661	4,073
Tổng nợ ngắn hạn	5,320	6,412	6,803	7,335	8,135
Nợ dài hạn	10,834	10,046	25,031	44,815	61,393
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0.41	0.28	0.28	0.28	0.28
Nợ dài hạn khác	68.2	152	152	152	152
Tổng nợ dài hạn	10,903	10,198	25,183	44,967	61,545
Tổng nợ phải trả	16,232	16,619	31,994	52,311	69,688
Vốn chủ sở hữu	43,758	50,457	59,334	69,361	80,361
Lợi ích cổ đông thiểu số	47.5	53.3	53.3	53.3	53.3
Tổng vốn chủ sở hữu	43,806	50,510	59,387	69,414	80,414
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,037	67,129	91,381	121,725	150,103
BVPS (đ)	20,100	23,177	27,255	31,861	36,914
Nợ thuần*/(tiền mặt)	8,704	7,613	24,872	44,134	61,593

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	4,645	8,228	12,615	14,755	16,598
Khấu hao	(2,339)	(2,364)	(2,345)	(2,649)	(2,935)
Lãi vay thuần	4,037	2,091	1,006	542	267
Thuế TNDN đã nộp	(200)	(2,001)	(2,811)	(3,158)	(3,488)
Thay đổi vốn lưu động	(4,334)	(4,068)	(1,708)	(401)	(349)
Khác	881	2,379	354	411	498
LCT thuần từ HKKD	3,403	6,969	10,877	14,336	16,272
Đầu tư TS dài hạn	(4,982)	(12,894)	(39,282)	(37,959)	(36,104)
Góp vốn & đầu tư	(279)	(34.9)	1,747	1,087	622
Thanh lý	4,291	6,656	9,399	3,275	1,751
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(969)	(6,273)	(28,136)	(33,598)	(33,731)
Cổ tức trả cho CSH	(0.02)	(2.00)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(362)	(366)	14,985	19,784	16,578
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(362)	(368)	14,985	19,784	16,578
Tiền & tương đương tiền đầu kì	573	2,497	2,844	569	1,092
LCT thuần trong kỳ	2,071	328	(2,275)	523	(882)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(147)	19.7	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,497	2,844	569	1,092	210
Dòng tiền tự do	(1,579)	(5,925)	(28,406)	(23,623)	(19,832)

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	47.2	59.5	62.8	63.6	63.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	50.6	52.9	64.3	67.4	67.4
Tỷ suất LNT (%)	45.9	36.5	42.5	43.2	42.3
Thuế TNDN hiện hành (%)	19.3	19.3	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	191	45.1	16.1	10.9	12.3
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	1,533	51.7	41.3	16.3	12.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	1,087	15.5	35.0	13.0	9.71
Tăng trưởng EPS (%)	1,221	15.5	35.0	13.0	9.71
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	1,087	15.5	35.0	13.0	9.71
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	15.6	15.5	18.0	17.3	16.3
ROACE (%)	8.76	14.3	17.4	14.8	12.9
Vòng quay tài sản (lần)	0.24	0.32	0.29	0.24	0.21
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.73	0.85	0.86	0.97	0.98
Số ngày tồn kho	22.5	21.0	21.0	21.0	21.0
Số ngày phải thu	321	575	622	605	575
Số ngày phải trả	45.5	53.4	53.4	53.4	53.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	20.0	15.1	41.9	63.6	76.7
Nợ/tài sản (%)	18.7	15.6	27.9	37.2	41.2
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.61	0.99	1.70	2.60	3.16
Chỉ số TT hiện thời (lần)	7.56	6.67	4.44	3.47	2.56
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	17.0	11.9	11.5	11.3	10.9
EV/EBITDA ĐC (lần)	33.5	22.4	17.9	16.8	16.1
P/E (lần)	40.4	35.0	25.9	22.9	20.9
P/E ĐC (lần)	44.9	38.9	28.8	25.5	23.3
P/B (lần)	5.85	5.07	4.31	3.69	3.18
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn